

Đã kiểm tra
13/2/2006

Thành Phố Hồ Chí Minh
UBND HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 02/2006/QĐ.UBND

Cần Giờ, ngày 09 tháng 02 năm 2006.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: “Ban hành Quy chế quản lý môi trường
vùng nuôi tôm tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ”**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Quyết định 04/2002/QĐ-BTS ngày 24/1/2002 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung;
- Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố số 5947/QĐ-UB ngày 17/9/2001 về duyệt xét dự án Quy hoạch vùng nuôi thủy sản ở 4 xã phía bắc huyện Cần Giờ từ năm 2001 – 2005, số 14/2002/QĐ-UB ngày 19/02/2002 ban hành quy định tạm thời về quản lý tôm giống, thức ăn thủy sản, thuốc thú y thủy sản và môi trường nuôi tôm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh Tế huyện :

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày ký ban hành .

Điều 3. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân – Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các phòng ban liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này .

Nơi nhận :

- TT HU - TTHĐND
- TT UBND huyện;
- Như điều 3;
- UBMTTQ; Các đoàn thể
- LĐVP-TH;
- Lưu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đoàn Văn Thu





Thành Phố Hồ Chí Minh
UBND HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Cần Giờ, ngày 09 tháng 02 năm 2006.

QUY CHẾ

**QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÙNG NUÔI TÔM
TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẦN GIỜ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02 /2006/QĐ-UBND
ngày 09 /02/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định nội dung quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung của huyện nhằm mục đích đảm bảo môi trường nuôi tôm được bền vững, phát triển nghề nuôi tôm đạt hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tình hình và chiến lược phát triển lâu dài của huyện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

- 2.1. Các đơn vị, cá nhân đang nuôi tôm trên địa bàn huyện Cần Giờ.
- 2.2. Các cơ quan sản xuất kinh doanh dịch vụ có liên quan đến nghề nuôi tôm.

Điều 3. Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu và thực hiện như sau :

3.1. Hệ thống xử lý nước, bao gồm: ao lắng để chứa và làm sạch nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi; ao chứa nước thải để xử lý làm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trước khi thải ra môi trường xung quanh ;

3.2. Chất thải từ hoạt động nuôi tôm (chất thải rắn, chất thải lỏng) gồm: thức ăn thừa, phân tôm, xác tôm chết, dư lượng các loại thuốc, hóa chất phòng trị bệnh cho tôm, chế phẩm sinh học và các chất xử lý môi trường ao nuôi, nước thải từ ao nuôi ;

3.3. Quản lý môi trường vùng nuôi tôm, là biện pháp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nuôi tôm từ khâu chọn địa điểm xây dựng ao nuôi, cải tạo ao, vệ sinh ao nuôi, xử lý nước, thả tôm giống, quản lý nước thải, phòng trừ dịch bệnh từ lúc thả nuôi đến khi thu hoạch tôm thương phẩm .

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH VỀ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG AO NUÔI VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG VÙNG NUÔI TÔM TẬP TRUNG

Điều 4. Các dự án đầu tư nuôi tôm công nghiệp có diện tích từ 200 ha trở lên phải tuân thủ các quy định trong Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT ngày 29/4/1998 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Tài nguyên Môi trường) hướng dẫn thẩm định báo cáo đánh giá tác động đối với các dự án đầu tư.

Điều 5. Xây dựng ao đầm nuôi tôm phải đảm bảo các quy định sau:

5.1. Địa điểm xây dựng: tránh nguồn chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt của khu vực đông dân cư (nơi có dư lượng các hóa chất và chất hữu cơ vượt mức cho phép);

5.2. Nguồn nước nuôi tôm phải đảm bảo các chỉ tiêu theo Thông tư số 01/2000/TT-BTS ngày 28/4/2000 của Bộ Thủy sản về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04 TS/TT ngày 30/8/1990 (phụ lục 1, bảng 1a về giá trị giới hạn cho phép nồng độ các chất ô nhiễm trong nước biển, vùng nuôi thủy sản ven bờ);

5.3. Bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng: điện, đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước; khu vực chứa bùn của ao nuôi do nạo vét, cải tạo ;

5.4. Diện tích ao lắng, ao xử lý nước thải có tỷ lệ thích hợp với diện tích ao nuôi (diện tích ao lắng tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 30% và ao xử lý phải lớn hơn hoặc bằng 20% diện tích ao nuôi).

Điều 6. Các quy định đối với hoạt động nuôi tôm:

6.1. Tôm giống trước khi đưa vào vùng nuôi, ao nuôi phải được thuần dưỡng và kiểm tra dịch bệnh (virus, vi khuẩn, ký sinh trùng,...). Chất lượng tôm giống phải đảm bảo theo tiêu chuẩn ngành (28 TCN 124:1998 đối với tôm sú giống P₁₅; 28 TCN 96:1996 đối với tôm sú giống từ P₂₅ đến P₃₀);

6.2. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu tôm có hiện tượng nhiễm bệnh, người nuôi tuyệt đối không được tháo xả nước ao nuôi ra môi trường xung quanh nhằm tránh lây lan trong vùng nuôi, đồng thời thông báo cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền trên địa bàn (phòng Kinh tế, trạm Khuyến nông, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn) để triển khai biện pháp khắc phục và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình xử lý dịch bệnh ;

6.3. Các tổ chức, cá nhân nuôi tôm phải hạn chế đến mức thấp nhất việc dùng thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học trong nuôi tôm. Việc sử dụng thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học phải thực hiện theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và cơ quan chuyên môn. Nghiêm cấm sử dụng các loại thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học thuộc danh mục cấm theo quy định của Bộ Thủy sản ;

6.4. Nước thải từ hoạt động nuôi tôm trước khi xả ra môi trường xung quanh phải bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 01/2000/TT.BTS ngày 28/4/2000 của Bộ Thủy sản về "sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Thông tư 04-TS/TT ngày 30/8/1990 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh ngày 25/4/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 195-HĐBT ngày 2/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ;

6.5. Ngừng việc sử dụng thuốc kháng sinh cho tôm nuôi thương phẩm 30 ngày trước khi thu hoạch ;

6.6. Các cá nhân, tổ chức trước khi tiến hành đào ao nuôi tôm phải thực hiện việc đăng ký với Ban sản xuất xã, thị trấn để thuận lợi cho việc thống

kê, định hướng, quy hoạch chiến lược phát triển ngành thủy sản tại địa phương.

6.7. Các cơ sở nuôi tôm công nghiệp, cơ sở sản xuất và thuần dưỡng tôm giống trên địa bàn phải kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và nộp phí theo Quy định tại Nghị định 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ .

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ

VÀ CƠ SỞ NUÔI TÔM

Điều 7. Phòng Kinh tế:

- Triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan đến môi trường trong vùng nuôi tôm;
- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản trong và ngoài vùng nuôi tôm;
- Chỉ đạo các tổ khuyến nông kiểm tra, kiểm soát các hoạt động quản lý môi trường trong vùng nuôi tôm và đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, xã, thị trấn xử lý vi phạm theo thẩm quyền;
- Phối hợp với Trạm Kiểm dịch thủy sản An Nghĩa, UBND các xã, thị trấn trong công tác phòng trừ dịch bệnh cho tôm nuôi, theo dõi và giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh xảy ra (nếu có), đồng thời đề xuất UBND huyện và các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường vùng nuôi tôm;
- Phối hợp với Trạm Kiểm dịch thủy sản An Nghĩa trong việc thực hiện chương trình kiểm soát an toàn vệ sinh vùng nuôi tôm (lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường và phân tích dư lượng các chất độc hại, thuốc kháng sinh đối với tôm nuôi thương phẩm);
- Định kỳ báo cáo UBND huyện, Sở Nông nghiệp – Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý chất lượng – Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản Thành phố về tình hình thực hiện Quy chế này ;
- Hàng năm lập kinh phí đào tạo, tập huấn cho người nuôi tôm về quản lý môi trường vùng nuôi tôm

Điều 8. Phòng Tài nguyên – Môi trường:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác điều tra khảo sát và dự báo định kỳ môi trường nước trong vùng nuôi tôm ;
- Đánh giá hiện trạng môi trường vùng nuôi tôm nhằm kịp thời cảnh báo cho các đơn vị, cá nhân hoạt động trong vùng nuôi tôm để bảo vệ môi trường và phát triển nghề nuôi trồng thủy sản bền vững;
- Tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra các hoạt động quản lý môi trường vùng nuôi tôm

Điều 9. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Chỉ đạo cán bộ phụ trách sản xuất, môi trường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn xã, thị trấn ;

- Phối hợp với phòng Kinh tế, Trạm Kiểm dịch thủy sản An Nghĩa, phòng Tài nguyên – Môi trường kiểm tra, kiểm soát việc bảo vệ môi trường trong vùng nuôi tôm .

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở, hộ nuôi tôm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Quy chế này;

- Tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý, bảo vệ môi trường vùng nuôi tôm tại địa phương;

Điều 10. Trạm Khuyến nông, các Tổ Khuyến nông :

- Theo dõi quan trắc và cảnh báo môi trường, dịch bệnh vùng nuôi tôm thuộc địa bàn phụ trách, hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu để thông báo kịp thời cho người nuôi;

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cho người nuôi thực hiện tốt việc quản lý môi trường vùng nuôi tôm;

- Chủ động xây dựng phương án và tiến hành xử lý kịp thời các sự cố ô nhiễm môi trường nước trong vùng nuôi tôm tập trung ;

Điều 11. Đơn vị, cá nhân hoạt động nuôi tôm :

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan;

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, các yếu tố tác động đến môi trường, dịch bệnh ao nuôi cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng tiến hành thu mẫu môi trường và thủy sản nuôi để việc phân tích đạt kết quả ;

- Hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện phương án xử lý môi trường và dịch bệnh khi xảy ra sự cố.

CHƯƠNG IV

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 12. Tổ chức, cá nhân vi phạm nội dung Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường vùng nuôi tôm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo cơ quan, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Phòng Kinh tế và phòng Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này. Định kỳ tổng hợp tình hình, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp quy định của cấp trên và thực tế tình hình ở địa phương .

Đã kiểm tra
41.12/2006

Thành phố Hồ Chí Minh
UBND HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 41 /2006/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 28 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

*Về chuyển đổi Ấp, tổ nhân dân thành
Khu phố, tổ dân phố.*

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Công văn số 7210/UBND-VX ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố và Công văn số 1207/SNV-XDCQ ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Sở Nội vụ thành phố về chuyển đổi Ấp, tổ nhân dân thành Khu phố và tổ dân phố của Thị trấn Cần Thạnh- huyện Cần Giờ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chuyển đổi Ấp, tổ nhân dân thành Khu phố, tổ dân phố trên địa bàn Thị trấn Cần Thạnh gồm 5 khu phố và 45 tổ dân phố:

1/ Ấp Hưng Thạnh với diện tích: 16,25ha 660 hộ, 2.770 nhân khẩu, 25 tổ nhân dân thành Khu phố Hưng Thạnh với diện tích: 16,25ha 660 hộ, 2.770 nhân khẩu, 12 tổ dân phố,

2/ Ấp Phong Thạnh với diện tích 54,76ha, 532 hộ, 2.313 nhân khẩu, 20 tổ nhân dân thành Khu phố Phong Thạnh với diện tích: 54,76ha, 532 hộ, 2.313 nhân khẩu, 9 tổ dân phố.

3/ Ấp Miếu Nhì với diện tích: 57,67ha, 436 hộ, 1.731 nhân khẩu, 23 tổ nhân dân thành Khu phố Miếu Nhì với diện tích: 57,67ha, 436 hộ, 1.731 nhân khẩu, 8 tổ dân phố.

4/ Ấp Miếu Ba với diện tích: 412,89ha, 388 hộ, 1.632 nhân khẩu, 11 tổ nhân dân thành Khu phố Miếu Ba với diện tích: 412,89ha, 388 hộ, 1.632 nhân khẩu, 9 tổ dân phố.

5/ Ấp Giồng Ao với diện tích: 1.106,3ha, 430 hộ, 2.122 nhân khẩu, 8 tổ nhân dân thành Khu phố Giồng Ao với diện tích: 1.106,3ha, 430 hộ, 2.122 nhân khẩu, 7 tổ dân phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn Cần Thạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ.
 - Sở Tư pháp
 - Trung tâm công báo TP
 - TT.HU
 - TT.HĐND /H
 - TT.UBND/ H
 - Như điều 3
 - UBMTTQ và các đoàn thể
 - LĐVP - TH
 - Lưu
- P

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *Đ. Văn Thu*



Đoàn Văn Thu